

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua thuốc Generic trong kế hoạch được duyệt thuộc danh mục thuốc đấu thầu năm 2023, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành

phổ trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Báo cáo số 478/BC-SYT ngày 10/11/2023 của Sở Y tế Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua thuốc Generic trong kế hoạch được duyệt thuộc danh mục thuốc đấu thầu năm 2023, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột tại Tờ trình số 1362/TTr-BVTP ngày 02/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc Generic trong kế hoạch được duyệt thuộc danh mục thuốc đấu thầu năm 2023, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột với số tiền **993.270.800 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, tám trăm đồng) chi tiết như Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tiêu chí kỹ thuật và giá mặt hàng thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, danh mục, số lượng, đơn giá mua sắm thuốc và hình thức lựa chọn nhà thầu tại Điều 1 Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột thực hiện việc mua thuốc theo đúng các tiêu chí kỹ thuật, danh mục được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận: *Thư*

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, KT (XTn 07b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thiên Văn
Nguyễn Thiên Văn

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: MUA THUỐC GENERIC TRONG KẾ HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU NĂM 2023, DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

(Kèm theo Quyết định số **2430** /QĐ-UBND ngày **15** / **11** /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

Phụ lục II

DANH MỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: MUA THUỐC GENERIC TRONG KẾ HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU NĂM 2023, DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ BUỒN MA THUỘT

(Kèm theo Quyết định số **2430** /QĐ-UBND ngày **15** / **11** /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Fentanyl	1	0,1mg/2ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	12.800	400	5.120.000
2	Lidocain + epinephrin	1	36mg; 18,13mcg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	13.466	1.000	13.466.000
3	Midazolam	1	5mg/ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	18.900	250	4.725.000
4	Propofol	1	10mg/ml, 20ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bịch	25.270	70	1.768.900
5	Rocuronium Bromid	1	10mg/ml, 5ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Bình/Hộp/Chai/Lọ/Ống/Tuýp	47.500	60	2.850.000
6	Glucosamin	2	500mg	Uống	Viên	Viên	1.500	10.000	15.000.000
7	Loratadin	4	5mg	Uống	Viên	Viên	1.000	15.000	15.000.000
8	Chlorpheniramin	4	4mg	Uống	Viên nang	Viên	350	30.000	10.500.000
9	Phenobarbital	4	100mg	Uống	Viên	Viên	210	16.000	3.360.000
10	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	4	35mg+ 100.000IU+ 10mg; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống/Gói	37.000	700	25.900.000
11	Tobramycin	2	15mg/ 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống/Gói	27.993	400	11.197.200
12	Tobramycin + dexamethason	4	(15mg/5ml + 5mg/5ml) - Lọ 7ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống/Gói	35.000	500	17.500.000
13	Alfuzosin	2	10mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	6.800	10.000	68.000.000
14	Alfuzosin	4	10mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	6.800	10.000	68.000.000

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
15	Alfuzosin	4	5mg	Uống	Viên	Viên	5.460	5.000	27.300.000
16	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	4	800,4mg+611,76mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Bình/Hộp/Chai/Lọ/Ống/Tuýp/Gói	2.835	7.500	21.262.500
17	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	4	(800,4mg + 611,76mg + 80mg)/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Bình/Hộp/Chai/Lọ/Ống/Tuýp/Gói	2.940	7.500	22.050.000
18	Magnesi hydroxyd; Hydroxyd nhôm; Simethicon	4	(2668+4596+276)mg	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Bình/Hộp/Chai/Lọ/Ống/Tuýp/Gói	3.213	5.000	16.065.000
19	Levothyroxin	4	100mcg	Uống	Viên	Viên	294	15.000	4.410.000
20	Propylthiouracil	4	100mg	Uống	Viên	Viên	735	15.000	11.025.000
21	Macrogol + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	4	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống	29.500	600	17.700.000
22	Diosmin	1	600mg	Uống	Viên	Viên	6.816	3.700	25.219.200
23	Diosmin + hesperidin	4	450mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	819	40.000	32.760.000
24	Diosmin + hesperidin	1	450mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	3.192	10.000	31.920.000
25	Silymarin	4	167mg	Uống	Viên	Viên	6.000	10.000	60.000.000
26	Metformin	5	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	viên	920	100.000	92.000.000
27	Metformin	3	1000mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1.600	40.000	64.000.000
28	Metformin	4	1000mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	viên	1.600	40.000	64.000.000
29	Metformin	2	750mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1.900	30.000	57.000.000

[illegible]